

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 5 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.
2. Bà Nguyễn Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 555/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 29/2021/QĐ-TĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Thuận

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ F, khu phố G, thị trấn L, huyện M, tỉnh Bình Thuận

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bình Thuận vào ngày 12/12/2007, đăng ký kết hôn số 77. Quá trình chung sống, ông bà phát

sinh nhiều mâu thuẫn và kéo dài nhiều năm. Nguyên nhân là do ông bà không hòa hợp về mọi mặt, bất đồng quan điểm sống, thường cãi vã, đánh nhau. Ông bà đã ly thân 7 tháng nay. Bà xác định mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn ông Thiết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông thống nhất với bà H về việc xác lập quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà. Bản thân ông không muốn ly hôn. Nhưng trong quá trình chung sống, mỗi lần mâu thuẫn thì bà H bỏ nhà đi, những lần trước ông đều xin lỗi, năn nỉ vợ quay về nhưng lần này ông nghĩ ông bà đã không thể tiếp tục sống với nhau nữa. Ông bà đã ly thân 7 tháng nay. Do ông theo đạo không ký biên bản ly hôn được, Tòa án cứ giải quyết yêu cầu của bà H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 16/11/2007, cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 03/8/2012 và cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 20/4/2015. Bà, ông thống nhất giao cho bà H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo N và cháu Nguyễn Bảo H; giao cho ông T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Bảo C. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không tranh chấp.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng bị đơn không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng pháp luật.
- Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật
- Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.
- Bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.
- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giải quyết cho bà Nguyễn Thị H ly hôn ông Nguyễn Văn T. Giao cho bà H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo N và cháu Nguyễn Bảo H; giao cho ông T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Bảo C. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt và không có tài liệu, chứng cứ thể hiện sự vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D, tỉnh Bình Thuận vào ngày 12/12/2007, đăng ký kết hôn số 77. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Qua lời khai của các đương sự thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng ông bà phát sinh là tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Tòa án đã thông báo cho ông T lên Tòa án tham gia hòa giải nhưng ông T có đến Tòa án một lần, ông cho rằng ông theo đạo thiên chúa, nên không ký vào biên bản thuận tình ly hôn. Bà H kiên quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy ông T không muốn ly hôn, nhưng Tòa án đã động viên, phân tích nhiều lần mà bà H vẫn cương quyết ly hôn, vụ án kéo dài cũng đã gần 6 tháng mà bà H cũng không suy nghĩ lại để rút đơn về chung sống với ông T, cho thấy bà đã không còn tình cảm với ông T nữa. Qua đó thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên nghĩ xử cho bà H ly hôn ông T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 03 con chung là cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 16/11/2007, cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 03/8/2012 và cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 20/4/2015. Ông bà đã thống nhất với nhau về việc nuôi con sau

khi ly hôn do đó cần công nhận sự thỏa thuận trên. Giao cho bà H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo N và cháu Nguyễn Bảo H; giao cho ông T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Bảo C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con, do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải xem xét, giải quyết trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà H là người yêu cầu ly hôn nên phải chịu toàn bộ án phí DSST về ly hôn.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H ly hôn ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 03/8/2012 và cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 20/4/2015. Ông Nguyễn Văn T được quyền trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 16/11/2007. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí DSST: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004246 ngày 30 tháng 12 năm 2020. Bà H đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THA huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện D, tỉnh Bình Thuận;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Phúc Thị Thu Hà

